**Bài 9. NHẬT BẢN**

**Tiết 1. TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

Câu 1. Nhật Bản nằm ở khu vực nào dưới đây?

1. Đông á B. Nam á C. Bắc á D. Tây á

Câu 2. Đảo chiếm 61% tổng diện tích đất nước Nhật Bản là

1. Hô –cai-đô B. Hôn-su C. Xi-cô-cư D. Kiu-xiu

Câu 3. Đảo nằm ở phía bắc của Nhật Bản là

1. Hôn –su B. Hôn-cai-đô C. Xi-cô-cư D. Kiu-xiu

Câu 4. Khó khăn lớn nhất về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

1. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh
2. Khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam
3. Nghèo khoáng sản
4. Nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau

Câu 5. Ý nào sau đây **không** đúng với khí hậu của Nhật Bản

1. Lượng mưa tương đối cao B. Thay đổi từ bắc xuống nam

C. Có sự khác nhau theo mùa D. Chịu sự ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc

Câu 6. Mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết là đặc điểm khí hậu của

1. Phía bắc Nhật Bản B. Phía nam Nhật Bản

C. Khu vực trung tâm Nhật Bản D. Ven biển Nhật Bản

Câu 7. Mùa đông đỡ lạnh, mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão là đặc điểm khí hậu của

1. Đảo Hô-cai-đô B. Đảo Kiu-xiu

C. Đảo Hôn-su D. Các đảo nhỏ phía bắc Nhật Bản

Câu 8. Hai loại khoáng sản có trữ lượng đáng kể hơn cả của Nhật Bản là

1. Dầu mỏ và khí đốt B. Sắt và mangan

C. Than đá và đồng D. Bôxit và apatit

Câu 9. Biển Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú là do

A. Có nhiều bão, sóng thần

B. Có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau

C. Nằm ở vùng vĩ độ cao nên có nên nhiệt độ cao

D. Có diện tích rộng nhất

Cho bảng số liệu: ***Cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản qua các năm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Độ tuổi** | **1950** | **1970** | **1997** | **2005** | **2010** | **2014** | **Dự báo 2025** |
| Dưới 15 tuiooir (%) | 35,4 | 23,9 | 15,3 | 13,9 | 13,3 | 12,9 | 11,7 |
| Từ 15 – 64 tuổi (%) | 59,6 | 69,0 | 69,0 | 66,9 | 63,8 | 60,8 | 60,1 |
| Trên 65 tuổi (%) | 5,0 | 7,1 | 7,1 | 19,2 | 22,9 | 26,3 | 28,2 |
| Số dân (triệu người) | 83,0 | 104,0 | 104,0 | 127,7 | 127,3 | 126,6 | 117,0 |

*Dựa vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi từ 10 đến 12:*

Câu 10. Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là

1. Quy mô không lớn B. Tập trung chủ yếu ở miền núi

C. Tốc độ gia tăng dân số cao D. Dân số già

Câu 11. Ý nào sau đây **không** đúng về dân cư Nhật Bản

1. Là nước đông dân B. Phần lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển

C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao D. Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn

Câu 12. Từ năm 1950 đến năm 2014, dân số Nhật Bản có sự biến động theo hướng

1. Tỉ lệ người dưới 15 tuổi giảm nhanh B. Số dân tăng lên nhanh chóng

C. Tỉ lệ người từ 15-64 không thay đổi D. Tỉ lệ người 65 tuổi trở lên giảm chậm

Câu 13. Đặc điểm cần cù, có tinh thần trách nhiệm rất cao, coi trọng giáo dục, ý thức đổi mới của người lao động

1. Là nhân tố quan trọng hàng đầu thúc dẩy nền kinh tế Nhật Bản phát triển
2. Đã tạo nên sự cách biệt của người Nhật Bản với người dân các nước khác
3. Là trở ngại khi Nhật Bản hợp tác lao động với các nước khác
4. Có ảnh hưởng ít nhiều đến sự phát triển kinh tế của Nhật Bản

Câu 14. Một trong những đặc trưng nổi bật của người lao động Nhật Bản là

A. Không có tinh thần đoàn kết

B. Ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm rất cao

C. Trình độ công nghệ thông tin đứng đầu thế giới

D. Năng động nhưng không cần cù

Câu 15. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao từ năm 1950 đến năm 1973?

1. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, hạn chế vốn đầu tư
2. Tập trung cao độ vào phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn và duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng
3. Tập trung phát triển các xí nghiệp lớn, giảm và bỏ hẳn những tổ chức xuất nhỏ, thủ công
4. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng, phát triển nhanh các ngành cần đến khoáng sản

Câu 16. Việc duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng có tác dụng quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế Nhật Bản vì

1. Giải quyết được nguồn nguyên liệu dư thừa của nông nghiệp
2. Giải quyết được việc làm cho lao động ở nông thôn
3. Các xí nghiệp nhỏ sẽ hỗ trợ các xí nghiệp lớn về nguyên liệu
4. Phát huy dược tất cả các tiềm lực kinh tế (có cơ sở sản xuất, lao động, nguyên liệu,….), phù hợp với điều kiện đất nước trong giai đoạn hiện đại

Câu 17. Những năm 1973-1974 và 1979-1980, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm xuống nhanh, nguyên nhân chủ yếu là do

1. Có nhiều thiên tai B. Khủng hoảng dầu mỏ thế giới

C. Khủng hoảng tài chính thế giới D. Cạn kiệt về tài nguyên khoáng sản

Câu 18. Cho bảng số liệu: **Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản qua các năm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **1995** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
| Tốc độ tăng trưởng GD P | 5,1 | 1,5 | 2,3 | 2,5 | 4,7 | 0,5 |

 Nhận xét nào sau đây là đúng?

1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giảm liên tục
2. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản cao hàng đầu thế giới
3. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản không ổn định
4. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản thấp và hầu như không biến động

Câu 19. Tại các vùng biển quanh Nhật Bản nơi các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau tạo nên

1. Ngư trường lớn B. sóng thần, triều cường

C. vực biển sâu D. vùng xoáy nguy hiểm.

Câu 20. Nhật Bản nằm trong vùng khí hậu

1. Cận nhiệt, ít mưa B. gió mùa, mưa nhiều

C. Nóng ẩm, mưa nhiều D. lạnh khô, ít mưa

Câu 21. Dạng địa hình chủ yếu của Nhật Bản là

1. Cao nguyên B. đồi núi C. Đồng bằng D. núi cao

Câu 22. Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm bờ biển Nhật Bản?

1. Phía Bắc bị đóng băng vào mùa đông B. Bờ biển dài, toàn lãnh thổ tới gần 34000 km
2. Khúc khuỷu, có nhiều chỗ ăn sâu vào đất liền D. Có nhiều bãi cát, cồn cát

Câu 23. Vào mùa hạ, phần lãnh thổ phía nam Nhật Bản có thời tiết nổi bật là

1. Nóng, khô và hiếm mưa B. dịu mát, ẩm ướt và mưa nhiều
2. ấm, gió Đông Nam mạnh D. nóng, có mưa to và bão

Câu 24. Ý nào sau đây **không** thể hiện đúng về sự biến động cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản?

1. Nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng B. Nhóm từ 15 – 64 tuổi có biến động

C. Nhóm từ 65 tuổi trở lên giảm D. Nhóm dưới 15 tuổi giảm

Câu 25. Phần lớn dân cư Nhật Bản phân bố ở

1. Khu vực ven biển phía Tây B. các thành phố ven biển

C. Vùng nông thôn đảo Hôn – su D. vùng núi thấp đảo Hô – cai – đô.

Câu 26. Người dân Nhật Bản có trình độ dân trí cao là do

1. Chú trọng đầu tư cho giáo dục B. chính sách thu hút nhân tài

C. Chất lượng cuộc sống tốt D. phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Câu 27. Những năm 1986 – 1990, tốc độ tăng GDP của Nhật Bản được phục hồi là nhờ

1. Tăng cường hợp tác quốc tế B. điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế

C. Mở rộng quy mô các xí nghiệp lớn D. đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài

Câu 28. Nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 1952 – 1973 không phải do nguyên nhân nào sau đây?

1. Tập trung phát triển các ngành then chốt theo từng giai đoạn
2. Đẩy mạnh buôn bán vũ khí, thu được nguồn lợi khổng lồ
3. Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng, gồm cả xí nghiệp lớn, nhỏ, thủ công
4. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, áp dụng kĩ thuật mới

**Tiết 2. CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ NHẬT BẢN**

Câu 1. Biểu hiện chứng tỏ Nhật Bản là nước có nền công nghiệp phát triển cao là

1. Sản phẩm công nghiệp đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước
2. Hằng năm xuất khẩu nhiều sản phẩm công nghiệp
3. Giá trị sản lượng công nghiệp đang đứng thứ hai thế giới, nhiều ngành công nghiệp có vị trí cao trên thế giới
4. Có tới 80% lao động hoạt động trong ngành công nghiệp

Câu 2. Các ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu công nghiệp của Nhật Bản hiện nay là

1. Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim đen, dệt
2. Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, xây dựng và công trình công cộng, dệt
3. Công nghiêp chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim màu, dệt
4. Công nghiệp chế tạo, sản xuất diện tử, hóa chất, dệt

Câu 3. Nhật Bản tập trung vào các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao là do

1. Có nguồn lao động dồi dào
2. Hạn chế sử dụng nhiều nguyên liệu, lợi nhuận cao
3. Không có khả năng nhập khẩu các sản phẩm chất lượng cao
4. Có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú

Câu 4. Trừ ngành dệt truyền thống, tất cả các ngành công nghiệp nổi tiếng của Nhật Bản đều hướng vào

1. Tận dụng tối đa sức lao động

B. Tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước

C. Kĩ thuật cao

D. Tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước

Câu 5. Đảo nào sau đây của Nhật Bản có ít nhất các trung tâm công nghiệp?

1. Hôn-su B. Hô-cai-đô C. Xi-cô-cư D. Kiu-xiu

Câu 7. Công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở phía nam đảo Hôn-su, ven Thái Bình Dương vì

1. ở đây có khí hậu lạnh, dễ bảo quản sản phẩm
2. tiện cho việc nhập nguyên liệu và trao đổi sản phẩm với các nước
3. tập trung nguồn khoáng sản dồi dào
4. thuận lợi cho việc trao đổi sản phẩm với các nước châu Á đất liền

Câu 8. Ý nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Nhật Bản?

1. chiếm tỉ trọng GDP lớn
2. thương mại và tài chính có vai trò hết sức to lớn
3. Nhật Bản đứng hàng đầu thế giới về thương mại
4. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ít được coi trọng

Câu 9. Ngành vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh là do

1. Vị trí địa lí và đặc điểm lãnh thổ B. Công nghiệp cơ khí phát triển từ lâu đời

C. Số dân đông, nhu cầu giao lưu lớn D. Ngành đánh bắt hải sản phát triển

Câu 10. Các hải cảng lớn của Nhật Bản là:

A. Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Ha-chi-nô-hê B. Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Na-ga-xa-ki

C. Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Ô-xa-ca D. Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô, Cô-chi

Câu 11. Nông nghiệp chỉ giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản là do

1. Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính
2. Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp
3. Diện tích đất nông nghiệp quá ít
4. Nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp có lợi thế hơn sản xuất

Câu 12. Sản xuất nông nghiệp ở Nhật Bản hoàn toàn phát triển theo hướng thâm canh vì

1. Đất nông nghiệp quá ít, không có khả năng mở rộng
2. Sản xuất thâm canh có chi phí cao
3. Sản xuất thâm canh mang lại nhiều lợi nhuận mà chi phí lại ít
4. Nhật Bản thiếu lao động, sản xuất thâm canh sẽ sử dụng ít lao động hơn quảng canh.

Câu 13. Cây trồng chính cua Nhật Bản là

1. Lúa mì B. Chè C. Lúa gạo D. Thuốc lá

Câu 14. Diện tích trồng lúa của Nhật Bản ngày càng giảm **không** phải do

1. Diện tích dành cho trồng chè, thuốc lá, dâu tằm tăng lên
2. Một phần diện tích trồng lúa dành cho quần cư
3. Mức tiêu thụ gạo trên đầu người giảm và năng suất lúa ngày càng cao
4. Nhật Bản có xu hướng nhập khẩu lương thực từ bên ngoài

Câu 15. Ý nào sau đây **không** đúng với sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản?

1. Là cây trồng chính của nông nghiệp Nhật Bản
2. Chiếm 50% diện tích đất canh tác
3. Một số diện tích trồng lúa chuyển sang trồng các cây khác
4. Sản lượng lúa đứng hàng đầu thế giới

Câu 16. Vật nuôi chính của Nhật Bản

1. Trâu, cừu, ngựa B. Bò, dê, lợn C. Trâu, bò, lợn D. Bò, lợn, gà

Câu 17. Nền nông nghiệp của Nhật Bản có đặc trưng nổi bật là

1. Tự cung, tự cấp B. Thâm canh, chú trọng năng suất và chất lượng

C. Quy mô lớn D. Sản xuất chủ yếu phục vụ xuất khẩu

Câu 18. Đánh bắt hải sản được coi là ngành quan trọng của Nhật Bản vì

1. Nhật Bản được bao bọc bởi biển và đại dương, gần các ngư trường lớn và cá là thực phầm chính
2. Ngành này cần vốn đầu tư ít, năng suất và hiệu quả cao
3. Nhu cầu lớn về nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm
4. Ngành này không đòi hởi cao về trình độ

Câu 19. Ý nào sau đây **không** đúng về đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?

1. Diện tích rộng nhất, số dân đông nhất
2. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế
3. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng
4. Các trung tâm công nghiệp rất lớn tập trung ở phần phía nam

Câu 20. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế kiu-xiu là

1. Phát triển mạnh khai thác than và luyện thép
2. Phát triển mạnh khai thác quặng đồng và luyện kim màu
3. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng
4. Có thành phố lớn là Ô-xa-ca và Cô-bê

Câu 21. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế là đặc điểm của vùng

1. Hôn-su B. Kiu-xiu C. Xi-cô-cư D. Hô-cai-đô

Câu 22. Vùng có rừng bao phủ phần lớn diện tích và dân cư thưa thớt là

1. Hôn-su B. Kiu-xiu C. Xi-cô-cư D. Hô-cai-đô

Câu 23. Các trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc vùng kinh tế Hôn-su?

1. Ô-xa-ca, Cô-be, Xa-pô-rô B. Ô-xa-ca, Cô-be, Mu-rô-ran
2. Ô-xa-ca, Cô-be, Ki-ô-tô D. Ô-xa-ca, Cô-be, Na-ga-xa-ki

Câu 24. Hai hoạt động dịch vụ quan trọng hàng đầu Nhật Bản là

1. Giao thông vận tải và thương mại B. du lịch và giao thông vận tải

C. Thương mại và tài chính D. tài chính và du lịch

Câu 25. Nhật Bản tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhằm

1. Tự chủ nguồn nguyên liệu cho công nghiệp B. tạo ra nhiều sản phẩm thu lợi nhuận cao

C. Đảm bảo nguồn lương thực trong nước D. tăng năng suất và chất lượng nông sản

Câu 26. Chè ở Nhật Bản được trồng nhiều nhất trên đảo

1. Hôn-su B. Kiu-xiu C. Xi-cô-cư D. Hô-cai-đô

Câu 27. Trên đảo nào của Nhật Bản có các ngành công nghiệp khai thác than và luyện thép phát triển mạnh?

1. Hôn-su B. Kiu-xiu C. Xi-cô-cư D. Hô-cai-đô

Câu 28. Nhờ chính sách tận dụng và khai thác triệt để thành tựu khoa học – kĩ thuật và vốn đầu tư nên Nhật Bản đã nhanh chóng

1. Vươn lên dẫn đầu thế giới trong nhiều ngành kinh tế
2. Thu hút nguồn vốn đầu tư rất lớn từ các nước phát triển
3. Chuyển giao công nghệ lỗi thời sang các nước khác
4. Mở rộng hoạt động của các công ty trên khắp thế giới

Câu 29. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Nhật Bản là

1. Tàu biển, ô tô và máy bay

B. sản phẩm tin học, hàng không và lương thực

 C. Nông sản, năng lượng và nguyên liệu công nghiệp

D. Than đá, dầu mỏ và sản phẩm công nghiệp

Câu 30. Các nông sản mà Nhật Bản nhập khẩu chủ yếu là

1. Cao su, hạt điều, cà phê và lúa mì B. lúa mì, lúa gạo, đỗ tương, hoa quả

C. Hạt hướng dương, lạc, ngô, hồ tiêu D. củ cải đường, bông, thuốc lá, chè